TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HẢI PHÒNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG

Số: 50/2021/QĐHG -HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Dương, ngày 18 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thẩm phán ra quyết định: Cao Văn Tuấn

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 31 tháng 5 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" giữa:

- Người khởi kiện: Chị Lưu Thị Ngọc A, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng;

- Người bị kiện: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải chị Lưu Thị Ngọc A; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và anh Nguyễn Văn C; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lưu Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2020. Anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Lưu Thị Ngọc A là 1.500.000đồng/tháng. Thời hạn nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung tính đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, kể từ ngày chị Lưu Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Văn C không nộp thì hàng tháng anh Chính còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị Lưu Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:
- Các bên;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS để thi hành;
- UBND xã Hồng Thái;
(ĐKKH ngày 06/01/2020) ;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Cao Văn Tuấn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐ:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thì ghi "TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG"; Ghi "TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO" nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

(2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;

(3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM…….

(4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.

(5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.

(9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.